

Bản án số: 419/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/10/2019
V/v Tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Kim Tuyến.

2/ Bà Trần Thị Bích Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 552/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 610/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị N, sinh năm 1982 – Có mặt;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn N D, sinh năm 1983 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: A Đào Sư Tích, Tổ 3, Ấp 2, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn N D tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Theo bà N vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D có lỗi sống gia trưởng, ích kỷ, không tin tưởng vợ, thường xuyên ghen tuông và không tôn trọng gia đình bên vợ, cấm đoán hoặc tỏ ra khó chịu khi bà N về thăm gia đình. Ngoài ra ông D còn nhiều lần xúc phạm, có lúc dùng hung khí hành hung bà, do đó vào tháng 6/2018 bà đã

nộp đơn xin ly hôn. Tuy nhiên sau khi nộp đơn ly hôn, bà đã rút đơn lại để tạo điều kiện cho ông D sửa đổi nhưng thực tế vẫn không có kết quả. Do đó nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn N Duy.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Lâm Tấn Phát, sinh ngày 14/10/2010. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà N trình bày không có.

Tại bản tự khai ngày 29/7/2019 bị đơn ông Nguyễn N D trình bày:

Ông D xác nhận quan hệ hôn nhân với bà Lâm Thị N là đúng. Về yêu cầu xin ly hôn của bà Ngọc, ông không đồng ý vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì nghiêm trọng. Ngoài ra ông không trình bày và không có ý kiến gì về vấn đề con chung, tài sản chung hoặc nợ chung của vợ chồng.

Sau khi trình bày ý kiến, ông D không có mặt tại phiên họp xét công khai chứng cứ và hòa giải với bà N cũng như vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Lâm Thị N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn N Duy. Do ông D đang cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà Lâm Thị N xin ly hôn với ông Nguyễn N D với lý do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2015 đến nay mà vẫn không hàn gắn lại được.

Theo đơn tường trình của bà N được tổ trưởng, ban nhân dân ấp 2 xác nhận ngày 11/7/2019 và ngày 30/7/2019 thì: *“Bà Lâm Thị N và chồng có sự mâu thuẫn với nhau là đúng sự thật”* và *“ Cô Lâm Thị N bị chồng đánh và bóp cổ đúng là sự thật và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau rất nhiều lần”*.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với bà N tuy nhiên ông D vẫn vắng mặt không lý do. Vào tháng 6/2018 bà N đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn lại chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có thật, bản thân bà N đã có thiện chí hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình với ông D nhưng đến nay không đạt kết quả. Trong khi đó ông D không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục, cũng như không thể hiện thái độ hàn gắn, xây dựng hạnh phúc vợ chồng với bà Ngọc.

Vì vậy Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của hai bên đã sâu sắc, nghiêm trọng và kéo dài, khả năng hàn gắn không còn nên căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà N đối với ông Duy.

[2.2] Về con chung: Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, tại bản tự khai ngày 09/7/2019, trẻ Tấn Phát trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Ông D cũng xác nhận trẻ Tấn Phát đang do bà N nuôi dưỡng, ngoài ra ông không trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu về vấn đề con chung. Xét việc bà N đang nuôi con tốt, trẻ được học hành và phát triển khỏe mạnh bình thường nên tiếp tục giao cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu sau này bà Ngọc, ông D có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

Về nợ chung: Bà N xác định không có.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà N có nghĩa vụ phải nộp được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0034161 ngày 14/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Lâm Thị N được ly hôn với ông Nguyễn N Duy.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Lâm Tấn Phát, sinh ngày 14/10/2010 cho bà Lâm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận việc bà Lâm Thị N không yêu cầu ông Nguyễn N D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lâm Thị N xác định không có.

2/- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Lâm Thị N có nghĩa vụ phải nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0034161 ngày 14/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà N đã nộp đủ án phí.

3/- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/- Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TANDTP, VKSNDTP;
VKSND huyện Nhà Bè;
Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
UBND thị trấn Cần Đức, huyện Cần
Đức, tỉnh Long An;
Các đương sự;
Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THU HIỀN